TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 3 -2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hoa Vinh;

2. Ông Nguyễn Văn Thượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Trần Thị Ánh N, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 22, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1981; trú tại: Tổ 22, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2022 nguyên đơn Chị Trần Thị Ánh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Anh Phan Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng không cùng chung quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, anh T phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Cây Cầy. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Trần Gia B, sinh ngày 30/9/2011 và Phan Trần Gia K, sinh ngày 21/12/2012. Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con

chung sau khi ly hôn, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi em 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai em đủ 18 tuổi, cấp dưỡng một lần với số tiền là 366.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có.

Quá trình làm việc chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14/12/2022, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nữa, về tài sản chung chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2023 bị đơn - Anh Phan Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân và thời gian đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại anh đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Cây Cầy. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Trần Gia B, sinh ngày 30/9/2011 và Phan Trần Gia K, sinh ngày 21/12/2012. Anh đồng ý giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N và anh T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tân Châu phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Trần Thị Ánh N đối với Anh Phan Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Trần Gia B, sinh ngày 30/9/2011 và Phan Trần Gia K, sinh ngày 21/12/2012 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Ánh N đối với Anh Phan Văn T về việc chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Ánh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn T hiện có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp H, xã T, huyện C, Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị Trần Thị Ánh N và Anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nvà anh T chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không cùng chung quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn, hay cải vã nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N tuy nhiên do đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Cây Cầy nên có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị Ánh N đối với Anh Phan Văn T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Trần Gia B, sinh ngày 30/9/2011 và Phan Trần Gia K, sinh ngày 21/12/2012. Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, anh không cấp dưỡng nuôi con. Em Phan Trần Gia B và Phan Trần Gia K đều có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha, mẹ ly hôn. Căn cứ vào sự thống nhất của chị N và anh T, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao hai em Phan Trần Gia B, sinh ngày 30/9/2011 và Phan Trần Gia K, sinh ngày 21/12/2012 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh T, chị N ly hôn là phù hợp.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Quá trình làm việc chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Ánh N về việc yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Ánh N và Anh Phan Văn T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị Ánh N đối với Anh Phan Văn T. Chị Trần Thị Ánh N được ly hôn với Anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Phan Trần Gia B, sinh ngày 30/9/2011 và Phan Trần Gia K, sinh ngày 21/12/2012. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Ánh N đối với Anh Phan Văn T về việc chia tài sản khi ly hôn. Chị N được quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Ánh N và Anh Phan Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ánh N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007685 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho Chị Trần Thị Ánh N số tiền 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007686 ngày 10/11/2022.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện Tân Châu;*
- *CC THADS huyện Tân Châu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thụy Hải Yến